

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/DS-PT
Ngày: 21-6-2018
V/v: “*Tranh chấp ranh đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**
Các Thẩm phán:

1/ Ông **Nguyễn Hữu Tuấn**

2/ Ông **Vương Minh Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Kim Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà **Lữ Thị Tuyết Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2015/TLPT-DS ngày 16-12-2015 về việc “*Tranh chấp ranh đất*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2015/DS-ST ngày 22-10-2015 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm **số 150/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2018**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Đỗ Thị B** - Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Đỗ Thị B: Bà Lê Thị Ngọc A1 – Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 12-10-2015). (Có mặt).

1.2. Bà **Lê Thị Ngọc A1** – Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt).

1.3. Bà **Lê Thị Mai A2** – Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Lê Thị Mai A2: Bà Lê Thị Ngọc A1 – Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 12-10-2015). (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Phạm Minh H** – Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Bá T** – Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Các nguyên đơn **Đỗ Thị B**, **Lê Thị Ngọc A1**, **Lê Thị Mai A2** và bị đơn **Phạm Minh H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12-02-2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Đỗ Thị B**, bà **Lê Thị Ngọc A1**, bà **Lê Thị Mai A2**, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà B và bà A2 là bà A1 trình bày:

Bà A1 là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thửa 525, diện tích 361m², loại đất vườn; thửa 526, diện tích 72m², loại đất thổ và thửa 527, diện tích 2.106m² cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Ông **Phạm Minh H** là người sử dụng đất liền kề với phần đất của bà A1. Trong quá trình sử dụng đất, ông H có hành vi lấn chiếm sang phần đất của bà A1 diện tích khoảng 150m², chiều dài 75m, ngang 2m thuộc hai thửa 526, 527.

Bà **Đỗ Thị B** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thửa 569, diện tích 2012,7m², loại đất ruộng; thửa 529, diện tích 530m², loại đất ruộng và thửa 528, diện tích 590m², loại đất vườn giáp ranh với đất của ông **Phạm Minh H**. Trong quá trình sử dụng ông H lấn sang phần đất của bà B diện tích 300m², dài khoảng 100m, rộng khoảng 3m.

Bà **Lê Thị Mai A2** là người sử dụng phần đất thửa 1259, diện tích 3993,3m² giáp ranh với phần đất của ông H. Trong quá trình sử dụng, ông H lấn sang phần đất của bà A2 diện tích khoảng 250m², dài khoảng 143,4m, rộng khoảng 1,74m.

Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 22-4-2014, các nguyên đơn trình bày:

Trong quá trình sử dụng đất ông H đã xây dựng hàng rào lấn sang phần đất của bà A1 và bà B. Bà A1 yêu cầu ông H phải trả phần đất lấn chiếm diện tích khoảng 150m² thuộc thửa 526 dài 40m, rộng 2m và thửa 527 dài 35m, rộng 2m tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; đồng thời, bà A1 yêu cầu ông H phải tháo dỡ hàng rào xây dựng trên phần đất lấn chiếm dài khoảng 75m. Bà **Đỗ Thị B** yêu cầu ông **Phạm Minh H** phải trả phần đất lấn chiếm diện tích khoảng 300m² thuộc các thửa 569, 529 và 528 chiều dài khoảng 100m, rộng 3m, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; đồng thời yêu cầu ông H phải tháo dỡ hàng rào do ông xây dựng, dẹp bãi cỏ và di dời 12 cây măng cầu trên phần đất lấn chiếm. Bà **Lê Thị Mai A2** yêu cầu ông **Phạm Minh H** trả phần đất lấn chiếm diện tích khoảng 250m² thuộc thửa 1259 dài 143,4m, rộng 2m tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Phạm Minh H** trình bày:

Ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 521, loại đất vườn, diện tích $4.123m^2$ và thửa 530 loại đất lúa, diện tích $6.784m^2$, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giáp với thửa 526, 527 của bà A1, thửa 529, 569 của bà B và giáp thửa 1259 của bà A2. Trên phần đất tranh chấp, ông có trồng cây măng cầu, bơ. Phần đất của ông trước nay có có hàng rào và mốc ranh cố định, ông không có lấn ranh theo trình bày của nguyên đơn. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

* Theo kết quả đo đạc, định giá tài sản ngày 12/6/2014 và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ các ngày 12/6/2014, 19/3/2015 tại cấp sơ thẩm thì:

- Thửa đất số 527 do bà Lê Thị Ngọc A1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng; thửa đất số 529 và 569 do bà Đỗ Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng; thửa đất số 1259 do hộ bà Lê Thị Mai A2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các thửa đất số 521, 530 và 531 do ông Phạm Minh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Phần đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp giữa bà B và ông H:

+ Phần đất: Thửa đất số 569 giá $35.000đ/m^2$; thửa đất số 529 giá $60.000đ/m^2$

+ Phần công trình, vật kiến trúc trên đất: Hàng rào bê tông, chôn chân, lưới B40 có diện tích $73.62m^2$ ($40.9m \times 1.8m$); giá trị còn lại là $21.388.082đ$.

- Phần đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp giữa bà A1 và ông H:

+ Phần đất: Thửa đất số 527 giá $70.000đ/m$;

+ Phần công trình, vật kiến trúc trên đất: Hàng rào trụ bê tông, cốt thép, chôn chân, lưới B40 có diện tích $111,6m^2$ ($62m \times 1.8m$); giá trị còn lại là $32.422.032đ$.

- Phần đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp giữa bà A2 và ông H:

+ Phần đất: Thửa 1259 giá $35.000đ/m^2$.

+ Trên đất tranh chấp không có nhà cửa, công trình, vật kiến trúc, cây trồng nào khác.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thống nhất với giá do Hội đồng định giá đã định và yêu cầu lấy kết quả này làm cơ sở giải quyết vụ án.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 83/2015/DS-ST ngày 22-10-2015, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc ông Phạm Minh H giao trả phần diện tích đất đã lấn ranh của các nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc A1, bà Đỗ Thị B và bà Lê Thị Mai A2 cụ thể như sau: phần đất thửa 527 của bà A1 diện tích $3,5m^2$ gồm các mốc: 10, 23, A, 10; phần đất thửa 529 của bà B diện tích $5,7m^2$ gồm các mốc: 19, B, A, 23, 19; phần thửa 569 của bà B diện tích $1,0m^2$ gồm các mốc: 20, 28, C, 20 và diện tích $6,7m^2$ gồm các mốc:

28, 29, D, 28; phần đất thừa 1259 của bà Lê Thị Mai A2 diện tích 67.0m² gồm các mốc: 2, 3, D, 29, 2; và tháo dỡ, di dời hàng rào trụ bê tông, cốt thép, chôn chân, lưới B40 có chiều cao 1,8m ông H đã xây dựng qua phần đất thừa 527 của bà A1 chiều dài 62m, và qua phần đất thừa 529, 569 của bà B chiều dài 40,9m.

(Có trích đo bản đồ địa chính khu đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Long Hồ và trích đo bản đồ địa chính khu đất do Phòng tài nguyên và môi trường huyện Long Hồ kèm theo bản án).

- Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/6/2014 bãi cỏ và 12 cây măng cầu do ông H trồng không thuộc phần đất tranh chấp giữa bà B và ông H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí khảo sát đo đạc và định giá, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 02-11-2015, bà Đỗ Thị B, bà Lê Thị Ngọc A1 và bà Lê Thị Mai A2 kháng cáo toàn bộ bản án, xét xử đúng quyền sử dụng đất mà các nguyên đơn được cấp; yêu cầu đo đạc lại bằng thước dây và bằng máy phần đất tranh chấp của bà B, bà A1, bà A2 và ông Phạm Minh H theo sự chỉ ranh của nguyên đơn và bị đơn, buộc ông H di dời hàng rào để trả lại cho các nguyên đơn phần đất đã lấn chiếm phần đất gồm lấn chiếm của bà A1 chiều ngang là 2,45m, dài 75m gồm các thửa 525, 526 và 527, lấn chiếm của bà B chiều ngang 2,33m, dài 125m thuộc các thửa 528, 529 và 569, lấn chiếm của bà A2 chiều ngang phần đầu là 2,33m, phần cuối đất là 1,18m, chiều dài chung 143,4m thuộc thửa 1259. Lý do kháng cáo: Việc đo đạc không theo sự chỉ ranh của nguyên đơn và bị đơn, không đo hết phần đất ông H lấn ranh; việc thẩm định phần rạch công cộng là không hợp pháp; Thẩm phán xét xử chưa đến thực tế phần đất tranh chấp mà chỉ dựa vào kết quả đo đạc, thẩm định làm chứng cứ để xét xử.

Ngày 20-11-2015, bà B, bà A1 và bà A2 kháng cáo bổ sung yêu cầu đo đạc phần đất tranh chấp bằng thước dây và bằng máy, có biên bản, sơ đồ bản vẽ tại chỗ; yêu cầu ông H phải tháo dỡ hàng rào cột trụ, bãi cỏ, trụ đá mà ông H đã lấn ranh để trả lại phần đất đã lấn chiếm cho các nguyên đơn đúng như quyền sử dụng đất của các nguyên đơn.

* Ngày 05-11-2015, ông Phạm Minh H kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, ông không đồng ý giao trả phần diện tích đất mà các nguyên đơn yêu cầu, không đồng ý tháo dỡ hàng rào do ông đã xây dựng trên phần đất mà ông đứng tên quyền sử dụng.

* Sau khi thụ lý phúc thẩm vụ án, các nguyên đơn yêu cầu đo đạc lại phần đất tranh chấp. Kết quả đo đạc lại thể hiện như sau:

- Phần đất bà A1 tranh chấp với ông H có diện tích 117.0m², trong đó có 22,2m² thuộc thửa 527 của bà A1 thuộc các mốc f, k, h, 23, 22, f.

- Phần đất bà B tranh chấp với ông H có diện tích $213,3m^2$, trong đó có $14,4m^2$ thuộc thửa 529 của bà B thuộc các mốc e, f, 22, 10, e; $1m^2$ thuộc thửa 569 của bà Ba thuộc các mốc c, d, 11, 24, c và $10,6m^2$ của bà B thuộc các mốc b, c, 24, 25, b.

- Phần đất bà A2 tranh chấp với ông H có diện tích $208,9m^2$, trong đó có $74,9m^2$ thuộc thửa 1259 của bà A2 thuộc các mốc b, 25, 26, 15, 16, b.

- Diện tích đo đạc hiện trạng thửa 527 giảm $276,8m^2$ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nguyên đơn cùng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định lại ranh phần giáp rạch không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi làm lộ. Diện tích đo đạc hiện trạng thửa 528 và 529 giảm $19,3m^2$ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đo đạc hiện trạng thửa 569 giảm $329,3m^2$ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nguyên đơn cùng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định lại ranh phần giáp rạch không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các nguyên đơn do bà Lê Thị Ngọc A1 đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ngoài ra, bà A1 xác định phần đất do ông Phạm Minh H đứng tên và hàng rào trụ bê tông cốt thép, lưới B40 nằm trên đất tranh chấp là tài sản chung của hộ gia đình ông Hây đúng như lời trình bày của ông H tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08-11-2017; hộ gia đình ông H gồm có ông H, vợ, con trai và con dâu ông H cùng hai cháu nội (còn nhỏ) của ông H.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do; do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm; lý do: Trên thửa đất số 527 của bà Lê Thị Ngọc A1 và trên các thửa đất 529, 569 của bà Đỗ Thị B có hàng rào trụ bê tông cốt thép, lưới B40 nhưng chưa định vị được vị trí hàng rào trên đất tranh chấp và chưa thu thập giá trị đất theo giá thị trường; tại biên bản khảo sát, đo đạc, định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ (không thành) ngày 03-01-2018, vợ ông H là bà Phạm Thị T cũng xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của gia đình bà T; mặt khác, hàng rào trụ bê tông cốt thép, lưới B40 trên đất tranh chấp được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà T nên hàng rào và phần đất thửa 521, 530 là tài sản chung của vợ chồng ông H nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà T vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do hủy án

nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 3 Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Phạm Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Bá T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và T.

[2] Về nội dung:

Bà Đỗ Thị B, bà Lê Thị Ngọc A1 và bà Lê Thị Mai A2 yêu cầu ông Phạm Minh H phải tháo dỡ hàng rào trụ bê tông, cốt thép, chôn chân, lưới B40 và di dời cây trồng trên đất của bà B và bà A1 để trả lại cho bà B, bà A1 và bà A2 phần đất mà ông H đã lấn chiếm tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 83/2015/DS-ST ngày 22-10-2015, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long chỉ tuyên buộc cá nhân ông H phải tháo dỡ, di dời hàng rào trụ bê tông, cốt thép, chôn chân, lưới B40 (có giá trị lớn) để trả lại phần đất lấn chiếm cho các nguyên đơn. Trong khi đó, phần đất mà ông H đứng tên và hàng rào nằm trên đất tranh chấp được bà A1, ông H, vợ, con trai và con dâu ông H là bà Phạm Thị T, anh Phạm Minh Anh H, chị Dương Thị Thanh T cùng xác định là tài sản chung của hộ gia đình ông H chứ không phải là tài sản riêng của ông H.

Xét thấy, thửa đất 521 và 530 mà ông H đứng tên và hàng rào trụ bê tông cốt thép, chôn chân, lưới B40 nằm trên đất tranh chấp là tài sản được ông H và bà T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên có cơ sở xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông H và bà T. Do vậy, cần phải đưa bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và các đương sự trong vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét quyền lợi và nghĩa vụ của bà T trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và các đương sự trong vụ án, ảnh hưởng đến việc thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần phải thu thập chứng cứ để xác định anh Anh H và chị Thanh T có công sức đóng góp và quản lý phần đất và tài sản trên đất tranh chấp hay không để xem xét việc đưa hay không đưa họ vào tham gia tố tụng.

[3] Do bản án sơ thẩm không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm như vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã đề nghị.

[4] Do hủy án sơ thẩm để xét xử lại nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi

giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Các yêu cầu của đương sự và chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét, giải quyết khi xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 83/2015/DS-ST ngày 22-10-2015 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 30 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án:

Hoàn trả lại cho các nguyên đơn bà Đỗ Thị B, bà Lê Thị Ngọc A1 và bà Lê Thị Mai A2 mỗi người 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà B, bà A1 và bà A2 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo các biên lai thu số 0004053, 0004052 và 0004054 cùng ngày 03-11-2015.

Hoàn trả lại cho bị đơn ông Phạm Minh H 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0004065 ngày 05-11-2015.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND huyện Long Hồ;
- VKSND tỉnh VL;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà